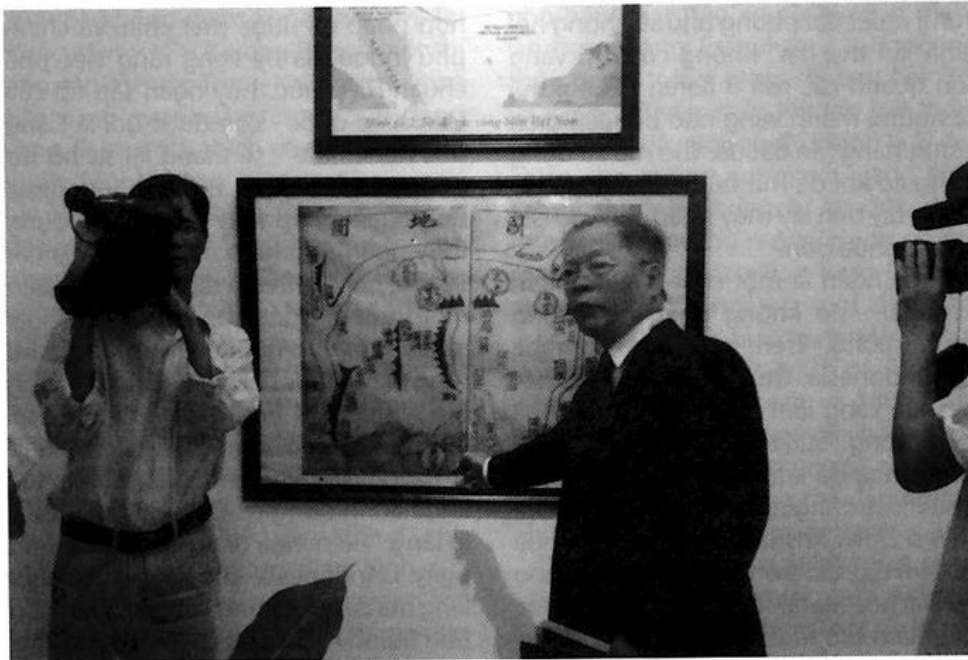


Chủ quyền Việt Nam trên biển Đông - những bằng chứng lịch sử

Có một sự thật hiển nhiên đã được lịch sử chứng minh là: hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các vùng lãnh hải xung quanh từ rất lâu đã thuộc về chủ quyền của Việt Nam. Nhưng trên thực tế thì Trung Quốc và một số nước trong khu vực đã chiếm giữ rất nhiều đảo và vùng lãnh hải xung quanh hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam trên biển Đông. Vấn đề biển Đông giờ đây đang "nóng" lên từng ngày, và thực sự đã trở thành một vấn đề cấp bách, liên quan đến vận mệnh và tương lai của quốc gia dân tộc. Và có thể nói, so với thời hiện đại, khi biển Đông bị nước ngoài âm mưu xâm chiếm thì vào thời cổ đại đến cận đại, biển Đông yên lặng hơn rất nhiều với người chủ thực sự của nó: Việt Nam.



Ông Huỳnh Đình Kết, Giám đốc Bảo tàng Văn hóa Huế giới thiệu về một tấm bản đồ cổ thể hiện chủ quyền Việt Nam trên biển Đông

NGUYỄN VĂN TOÀN

Việt Nam - chủ nhân của nền văn hóa "biển Đông"

Trước cả thời Hùng Vương, nhiều dân tộc sống trên đất nước ta hiện nay đã bao phen ngang dọc biển Đông để mưu sinh. Về mặt khoa học, rất nhiều người trong chúng ta ngày nay thuộc chủng người có tổ tiên là người Nam Đảo (người từ ngoài đảo của biển Đông di cư vào) và sống dựa vào nền kinh tế biển. Về mặt huyền thoại thì Lạc Long Quân, thần cai quản biển Đông, cha của Hùng Vương thứ nhất lại là con của Tiểu Long Nữ, cháu Long Vương Đông Hải. Do đó mà suy ra Việt Nam với 54

dân tộc anh em đã chiếm lĩnh ngang dọc biển Đông từ rất lâu. Bởi thế dân gian Việt Nam mới có câu: "Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn" và có chuyện Dã Tràng vì mất vợ do chuyến đi đến Thủy Cung mà xe cát biển Đông, chuyện "nước biển tại sao mặn?". Hình ảnh vợ chồng là chuyện khởi nguyên của âm dương và chuyện con công, con cua, hạt muối là chuyện dân dã, tầm thường hằng ngày nhưng đã ăn sâu với người Việt bao đời nay với cái tên biển Đông gắn liền thì việc ai là chủ nhân biển Đông từ xa xưa đến nay có phải đã rõ mười mươi rồi không?

Trong khi đó, văn hóa Trung Quốc xuất phát từ vùng Hoàng Hà (phía Bắc châu Á), hoàn toàn không có ý

niệm biển Đông gắn liền trong văn hóa từ khởi nguyên. Sau này người Hán xâm lược Bách Việt, bành trướng xuống phía Nam, mới giáp ranh một phần rất nhỏ biển Đông, nhưng các khu vực đó cũng thuộc vùng "biên viễn", dân cư thưa thớt, chủ yếu là các sắc dân bản địa Bách Việt còn sót lại và ít có người Hán lui tới. Như vậy, Trung Quốc không bao giờ có thể bàn luận với Việt Nam về vấn đề văn hóa khởi nguyên lẫn cương vực lãnh thổ ban đầu đối với biển Đông. Bởi một lý do rõ ràng là Trung Quốc không phải là chủ nhân văn hóa phần lãnh thổ Trường Giang xuống phía Nam và vùng giáp ranh biển Đông mà chủ nhân thực sự của vùng văn hóa này là Bách Việt, và Việt Nam lại là một hậu duệ chính thống, một người thừa kế xứng đáng, một người chủ thực sự.

Sự có mặt của người Việt Nam ở Trường Sa vào thời cổ đại

Ở trên lãnh thổ Việt Nam vào thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ VII sau Công Nguyên đã từng tồn tại vương quốc cổ đại Phù Nam, một cường quốc thương mại biển ở Đông Nam Á, khống chế "con đường hương liệu" khu vực bằng sức mạnh quân sự. Vương quốc này còn gắn liền với nền Văn hóa Óc Eo (An Giang, Việt Nam) với những cảng biển trên biển Đông vô cùng ấn tượng.

Vào thời đó, "Con đường hương liệu", một trong hai con đường mậu dịch lớn nhất hành tinh đã tạo điều kiện hình thành, phát triển một loạt các quốc gia Trung Á và Đông Nam Á, trong đó có vương quốc Phù Nam.

Khi đế quốc La Mã mở rộng giao thương với người Ấn qua biển Ả rập thì “con đường hương liệu” được nối dài từ phía bờ biển phía Đông Trung Hoa sang Tây Ấn Độ rồi đến các thương cảng trong vịnh Ba Tư hay trên bờ Biển Đỏ. Sự nối dài này làm cho giao thương đường biển thế giới lúc đó trở nên nhộn nhịp, chủng loại và số lượng hàng hóa lưu thông ngày một lớn. Trong số hàng hóa như tơ lụa, kim loại, đồ gốm sứ, trang sức, đá quý, ngọc trai, gỗ... thì các loại gia vị và hương liệu đặc sản vùng Đông Nam Á trở thành đối tượng giao thương toàn cầu.

Với sức mạnh kinh tế và quân sự của mình, Phù Nam đã chi phối, kiểm soát “con đường hương liệu” trong khu vực. Thực tế các chiến thuyền của Phù Nam đã Nam chinh, Tây phạt và bắt hơn 10 vương quốc thần phục làm chư hầu, phải cống nạp thuế hàng năm dưới sự bảo hộ của vua Phù Nam. Từ địa bàn chính là đồng bằng sông Cửu Long, sau khi chinh phạt thu phục 10 nước chư hầu, vương quốc Phù Nam kiểm soát một vùng rộng lớn từ Nha Trang đến thung lũng Mê Nam, gồm một phần đảo Mã Lai và vùng ven vịnh Thái Lan và cả Chân Lạp (Khmer cổ hay Campuchia ngày nay). Từ giữa thế kỷ thứ III - IV, Phù Nam chinh phục quân sự vùng Bắc bán đảo Mã Lai nhằm đảm bảo kiểm

soát giao thương trên biển Đông - Ấn Độ Dương.

Việc buôn bán hương liệu bắt đầu bằng khai thác các loại trầm hương, quế, đậu khấu, tiêu sọ. Dựa vào sức mạnh thương mại trên biển, vương quốc Phù Nam cũng đã lấn sang và chi phối hệ thống tài chính trong khu vực, trong đó có hệ thống thanh toán tiền tệ. Tiền của Phù Nam được sử dụng từ Miến Điện, Philippines, các đảo vùng Đông Nam Á... Do đó, tầng lớp thương nhân trở nên giàu có nhất trong xã hội Phù Nam. Các thương nhân vãng lai từ một số vùng đất trong khu vực, từ Trung Hoa, Địa Trung Hải, Vịnh Ba Tư đã thường xuyên đến trao đổi mua bán với Phù Nam.

Trong quá trình phát triển, vương quốc Phù Nam đã chú trọng đến việc hình thành các thương cảng phục vụ cho việc giao thương với các xứ khác. Bởi vậy trong giai đoạn phát triển cực thịnh của mình, Phù Nam không chỉ có một thương cảng Óc Eo (An Giang) và một tiền cảng Nền Chùa (Kiên Giang), mà còn có các thương điểm từ Óc Eo qua Đá Nổi đến Phú Long (Sa Đéc), Gò Thành (Vĩnh Long) rồi các trung tâm ở vùng Mỹ Tho - Gò Công trước khi đến Cần Giờ đổ ra biển Đông.

Bên cạnh đó, những đội thương thuyền đã góp phần rất lớn trong việc nắm ưu thế vận chuyển hàng hóa trên

biển của vương quốc Phù Nam. Tập ký sự “Chuyện lạ ở phương Nam” của hai sứ thần Trung Hoa là Chu Ứng và Khang Thái đã mô tả những con tàu Phù Nam đủ lớn để chở 600-700 người với 40-50 mái chèo. Tàu dài 20 bộ (48m), nổi cao lên mặt nước khoảng 3 bộ, có 4 cột buồm với các cánh buồm nằm nghiêng rộng khoảng 10 bộ.

Nhờ có những chiếc thương thuyền với trọng tải và thiết kế vững chãi như thế, các chuyến tàu của Phù Nam đủ sức vượt biển giao thương với các cảng quế ở Hội An, Hải Phòng, rồi đợi đến mùa gió Đông Bắc lại đến các quần đảo gia vị trong biển Celebes, Moluccas và Bandas (thuộc Indonesia ngày nay) và sau đó quay trở lại quần đảo Trường Sa. Tại đây các sản vật, nhất là hương liệu và gia vị được đưa lên tàu hàng xuất khẩu đến Trung Hoa, Nhật Bản.

Quần đảo Trường Sa, với tư cách là trạm trung chuyển trên con đường thương mại biển của Phù Nam với Trung Quốc, Nhật Bản cũng đã trở thành địa điểm có mặt thường xuyên của các thương nhân và binh lính người Môn - Khmer (dân tộc chủ thể quốc gia Phù Nam và sau này các dân tộc sinh sống tại Đồng bằng Sông Cửu Long, Việt Nam).

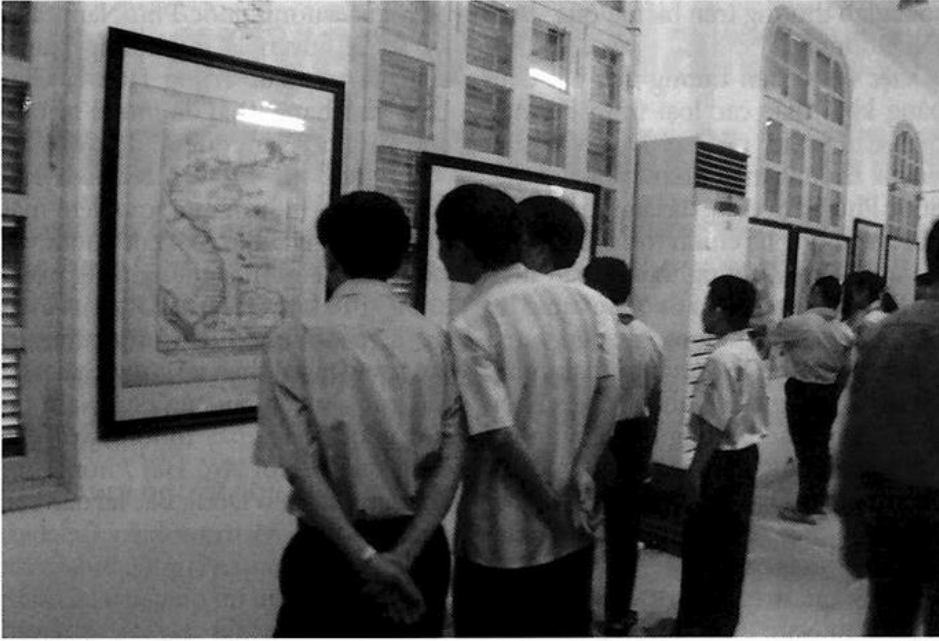
Bên cạnh đó, vào năm 1993, 1994 và 1999, Viện Khảo cổ học Việt Nam đã cử các nhà khảo cổ đi nghiên cứu quần đảo Trường Sa. Kết quả khai quật 50 mét vuông tại đảo Trường Sa lớn đã thu được khá nhiều hiện vật. Đáng lưu ý là có nhiều mảnh gốm thô mang đặc trưng gốm của văn hóa Sa Huỳnh, nền văn hóa tồn tại từ 1000 TCN đến cuối thế kỷ thứ II SCN. Như vậy, không chỉ vương quốc Phù Nam đã biến quần đảo Trường Sa thành một địa điểm trung chuyển thương mại mà cư dân Sa Huỳnh, tiền thân của vương quốc Champa của người Chăm cũng đã có mặt tại quần đảo này từ sớm.

Tầm nhìn của các triều đại phong kiến đối với Hoàng Sa, Trường Sa

Sau các thương thuyền của vương quốc Phù Nam vào thời cổ đại, vào thời các chúa Nguyễn và Tây Sơn, cứ vào tháng 2 đội Đội Hoàng Sa và Bắc



Đông đảo các tầng lớp nhân dân và khách đến tham quan triển lãm Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử, khai mạc ngày 20/9 ở Huế



Hải (hoạt động khu vực phía Nam đến tận biển Hà Tiên) lại xuất hành gồm 5 chiến thuyền ra Hoàng Sa, Trường Sa thu nhặt hóa vật của tàu bị nạn, tìm kiếm hải vật và ở lại đây đến tháng 8 mới trở về nộp cho triều đình Phú Xuân.

Chẳng hạn, vào ngày 15 tháng giêng năm 1776, Cai hợp phường Cù Lao Ré (đảo Lý Sơn) là Hà Liễu đã làm đơn trình bày rõ: *"Bây giờ chúng tôi lập hai đội Trường Sa và Quế Hương như cũ gồm dân ngoại tịch được bao nhiêu xin làm sổ sách dâng nạp, vượt thuyền ra các đảo, cù lao ngoài biển tìm nhặt vật hạng đồng thối, hải ba, đồi mỗi được bao nhiêu xin dâng nạp. Nếu như có tờ truyền báo, xây chinh chiến, chúng tôi xin vưng lòng ứng chiến với kẻ xâm phạm. Xong việc rồi chúng tôi xin tờ sai ra tìm báu vật cũng thuế quan đem phụng nạp"*.

Trước khi lên ngôi hoàng đế 1802, Nguyễn Ánh (vua Gia Long sau này) đã nhờ anh em Dayot giúp đo đạc hải trình ở biển Đông trong đó có vùng quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Khi lên ngôi, tháng 7 năm Quý Hợi (1803), vua Gia Long đã cho lập lại đội Hoàng Sa từ thời các chúa Nguyễn. Đại Nam Thực Lục Chính Biên, đệ nhất kỷ, q. 12 viết: *"Lấy Cai cơ Võ Văn Phú làm Thủ ngự của biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập làm đội Hoàng Sa"*. Đến năm 1816, sau một loạt chuyến thăm dò Hoàng Sa, vua Gia Long đã "long trọng treo tại đó lá cờ của xứ Đàng Trong" (theo cách viết của giám mục

Taberd). Chaigneau, một cận thần của vua Gia Long đã viết trong hồi ký "Le mémoire sur la Cochichine" rằng: *"Đến năm 1816, đương kim hoàng đế đã chiếm hữu quần đảo ấy"*. Sau đó, cùng với đội Hoàng Sa, vua Gia Long đã *"thiết lập một trại quân nhỏ để thu thuế và bảo trợ người đánh cá Việt Nam"*. Đến năm 1816, bằng những tính toán cẩn thận, Nhà Nguyễn đã chính thức tuyên bố chủ quyền quốc gia đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Nối tiếp ý chí của vua Gia Long, các vị vua sau như Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức càng đẩy mạnh hoạt động của binh lính người Việt trên vùng biển Đông. Thủy quân triều Nguyễn hàng năm liên tục đã thành lệ đều đặn ra Hoàng Sa, Trường Sa đi vãng thám, đo đạc thủy trình, cắm cột mốc và các hoạt động khác trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Đến nay, chúng ta vẫn có thể thấy được điều này qua Bản tấu trình của Bộ Công về việc đi khảo sát đo đạc ở Hoàng Sa, châu bản Triều Nguyễn, ngày 2/4 nhuận năm Minh Mạng thứ 19 (1838); tư liệu Quan Bổ chính sứ tỉnh Quảng Ngãi là Đặng Đức Thiệm tấu trình xin trừ các hạng thuế trên thuyền đi phục vụ các công vụ ở Hoàng Sa, Châu bản Triều Nguyễn ngày 19/7 năm Minh Mạng thứ 19; Sắc chỉ triều Nguyễn (năm Minh Mạng thứ 15 - 1834) liên quan đến đội Hoàng Sa, tộc họ Đặng ở xã An Hải (Lý Sơn - Quảng Ngãi) được lưu giữ

hơn 170 năm qua, hay Hình ảnh cửu đỉnh của triều Nguyễn có khắc quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Đặc biệt, sách giáo khoa "Khởi đồng thuyết ước" dùng trong các trường học thời Tự Đức thể hiện bằng hình vẽ và ghi chú đầy đủ về Hoàng Sa, Trường Sa thuộc Việt Nam được xem là tư liệu có một giá trị chứng minh mạnh mẽ về chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Bên cạnh đó, cũng phải kể đến hai tờ Châu bản có bút tích Ngự phê của vua Bảo Đại nhà Nguyễn (trị vì từ năm 1926 đến năm 1945) viết trên giấy cỡ 21,5 x 31cm với nội dung liên quan đến việc ban thưởng cho các cá nhân, tổ chức có công trong việc gìn giữ quần đảo Hoàng Sa của nhà nghiên cứu Phan Thuận An và một tờ văn bản được lập năm Quý Hợi 1743 (cách đây hơn 250 năm) của làng Mỹ Lợi, được viết trên giấy dó, có nội dung xử lý một vụ kiện giữa phường Mỹ Toàn - nay là làng Mỹ Lợi và phường An Bằng - nay là làng An Bằng về việc nộp thuế vó tàu khai thác sản vật liên quan đến Hải đội Hoàng Sa... Có thể nói, những tư liệu lịch sử này đã thể hiện và chứng minh một cách khoa học về chủ quyền và việc thực thi chủ quyền không thể chối cãi được của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Mặt khác, những tư liệu, bản đồ của các nước phương Tây và do Trung Quốc công bố từ thế kỷ XV đến thế kỷ XX cũng thể hiện sự nhất quán, liên tục, có giá trị khoa học, thuyết phục, chứng minh một sự thật lịch sử rằng Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam. Đặc biệt, nhóm bản đồ do Trung Quốc công bố ở nhiều lĩnh vực hành chính, khai thác dầu mỏ, giao thông vận tải... đều dừng lại ở địa phận đảo Hải Nam, tuyệt đối không có Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về Trung Quốc. Chẳng hạn, 4 tập Atlas Trung Quốc địa đồ và Trung Quốc bưu chính dư đồ do Trung Quốc phát hành vào các năm 1908, 1919 và 1933 chứng minh biên giới cực Nam của Trung Quốc chỉ giới hạn đến quần đảo Hải Nam, không có Hoàng Sa, Trường Sa. Điều này góp thêm bằng chứng khẳng định chủ quyền của Việt Nam về Hoàng Sa và Trường Sa. ■